

C.B. Anh 10

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 000267

Trang : 1/2

Môn học: Anh văn cơ bản (224103) - Nhóm 01
Đợt thi: HK3 2021-2022
Ngày thi: 26/08/2022
Phòng thi: D5-26

Đ: 24
H: 01

Số SV có mặt: 25
Số bài thi: 25
Số tờ giấy thi: 25

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121120119	NGUYỄN THỊ MINH ANH	01/02/2003	CCQ2112D		485		7,1	6,5	6,7	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
2	2119110239	LÊ THANH BÌNH	15/01/2001	CCQ1911H		485		6,7	5,9	6,2	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
3	2120170392	NGUYỄN MINH ĐOÀN	25/08/2002	CCQ2017L		357		6,8	3,9	5,0	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
4	2120270039	NGUYỄN VĂN ĐỨC	11/11/2002	CCQ2027B		485		6,7	7,8	7,3	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
5	2120180095	TRƯƠNG LÝ TUẤN HẢI	11/09/2001	CCQ2018C		357		6,9	8,4	7,8	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
6	2120120074	LÊ THỊ THÚY HẰNG	02/09/2001	CCQ2012C		485		7,1	8,0	7,6	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
7	2120170361	HUỖNH HOÀI HIẾU	20/12/2002	CCQ2017K		357		6,1	5,2	5,6	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
8	2120060043	ĐỒNG DUY HUYNH	11/03/2002	CCQ2006B		132		6,8	4,0	5,1	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
9	2120170776	LÊ VĂN HƯỚNG	18/11/2001	CCQ2017J		485		7,4	7,3	7,3	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
10	2119110015	HUỖNH VÕ TRUNG KIẾN	24/05/2001	CCQ1911A		485		6,7	8,4	7,7	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
11	2120170541	NGUYỄN THÁNH LONG	13/10/2002	CCQ2017P							(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
12	2120200281	NGUYỄN BÁ LỢI	12/06/2002	CCQ2020A		485		7,0	4,1	5,3	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
13	2120200151	TRẦN THỊ BÍCH LY	28/03/2002	CCQ2020E		357		7,5	4,2	5,5	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
14	2120120081	PHÙNG VĂN MINH	04/10/2002	CCQ2012C		132		5,8	5,1	5,4	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
15	2120030016	NGUYỄN HOÀNG NAM	19/01/2002	CCQ2003A		357		6,3	4,2	5,0	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
16	2119030156	LÊ HOÀNG NGHI	23/09/1999	CCQ1903E							(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
17	2119260182	NGUYỄN MỸ NGỌC	27/09/2000	CCQ1926E		209		7,4	5,8	6,4	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
18	2120120130	NGUYỄN THỊ NHUNG	21/06/2001	CCQ2012D		132		7,7	5,4	6,3	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
19	2120170059	NGUYỄN MINH PHỤNG	29/12/2002	CCQ2017B				7,0	7,6	7,4	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
20	2119110262	TRƯƠNG ĐÌNH SĨ	09/04/2001	CCQ1911H		132		7,9	7,0	7,4	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 09/08/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Anh văn cơ bản (224103) - Nhóm 01
Đợt thi: HK3 2021-2022 Tổ: 001
Ngày thi: 26/08/2022 Giờ: 12:30
Phòng thi: D5-26

Mã nhận dạng: 000267

Trang : 2/2

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viễn chấm thi 1	G.Viễn chấm thi 2

Số SV có mặt: 25
Số bài thi: 25
Số tờ giấy thi: 25

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2119260065	HUYNH MINH TÀI	27/05/2001	CCQ1926B		132		7,0	7,1	7,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	2120170021	PHẠM NGỌC TÂN	13/02/2002	CCQ2017A		209		7,1	6,8	6,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	2121030167	DƯƠNG HÙNG THẮNG	14/08/1997	CCQ2127D		357		7,2	6,8	7,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	2121170301	TRẦN VĂN THẬT	29/10/2003	CCQ2117I		132		6,0	4,0	4,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	2119110028	TÔ VĂN TÍCH	18/03/2001	CCQ1911A							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
26	2119110268	VI QUỐC TIẾN	18/03/2001	CCQ1911H		132		6,8	7,1	7,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
27	2119230018	HUYNH HOÀNG TRUNG	22/07/2001	CCQ1923A		209		6,6	6,6	6,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
28	2120120205	THIỀU QUANG TUẤN	05/10/2000	CCQ2012F		209		7,9	4,1	5,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Anh văn cơ bản (224103) - Nhóm 02
Đợt thi: HK3 2021-2022
Ngày thi: 26/08/2022
Phòng thi: D5-27

Tổ: 001
Giờ: 12:30

Mã nhận dạng: 000268

Trang : 1/2

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Lê Văn Cường</i>	<i>Nguyễn Văn Linh</i>	<i>NK</i>	<i>LB</i>

Số SV có mặt: 28
Số bài thi: 28
Số tờ giấy thi: 28

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120180070	CAO TUẤN	11/11/2002	CCQ2018C		132	<i>ANH</i>	7.7	54	63	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2119260162	NGUYỄN THỊ THU	26/11/2001	CCQ1926E		209	<i>Thuân</i>	6.7	75	72	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2120170039	NGUYỄN LÊ GIA	02/09/2002	CCQ2017B		357	<i>Già</i>	7.7	69	72	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2120110213	NGUYỄN VĂN QUỐC	10/04/2002	CCQ2007B		285	<i>Quốc</i>	6.6	35	14.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2120030038	LÊ MINH	16/06/2002	CCQ2003B		132	<i>Chiến</i>	7.4	81	7.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2120170042	NGUYỄN NGỌC	12/07/2001	CCQ2018C		209	<i>Chiến</i>	6.9	7.0	7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2121210069	ĐÀO VĂN	05/01/2001	CCQ2121B							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2120270072	DƯƠNG THỊ KIM	30/08/2002	CCQ2027C		485	<i>Quang</i>	7.6	64	69	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2120050098	TRẦN QUỐC	05/03/2002	CCQ2005C							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2119140002	LÊ VĂN	30/11/2001	CCQ1914A		209	<i>Phạm</i>	6.7	37	49	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2120180072	NGUYỄN TIẾN	11/11/2002	CCQ2018C		357	<i>Quốc</i>	8.9	67	73	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2120180080	DƯƠNG HUỲNH	10/01/2002	CCQ2018C		485	<i>Già</i>	7.5	69	71	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2120170077	TRẦN PHI	24/09/2002	CCQ2017C		132	<i>Quốc</i>	3.0	65	52	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2119260171	CHÂU THỊ THU	25/10/2001	CCQ1926E		209	<i>Hà</i>	6.1	49	54	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2121260080	LÊ THỊ	02/05/2003	CCQ2126C		957	<i>Thành</i>	8.1	44	59	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2120210085	NGUYỄN THỊ KIM	23/12/2002	CCQ2021C		485	<i>Quốc</i>	8.1	83	82	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2120030044	TRƯƠNG THÀNH	20/03/2002	CCQ2020I		132	<i>Quốc</i>	5.2	88	74	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2120270080	TRƯƠNG THỊ NGỌC	07/10/2002	CCQ2027C		209	<i>Quốc</i>	7.5	70	72	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2120270150	TRẦN THỊ QUỲNH	01/10/2002	CCQ2027E		357	<i>Quốc</i>	7.1	64	67	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2120210072	TRẦN THỊ THANH	18/03/2002	CCQ2021C		485	<i>Quốc</i>	5.8	56	57	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Anh văn cơ bản (224103) - Nhóm 02
Đợt thi: HK3 2021-2022
Ngày thi: 26/08/2022
Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 28
Số bài thi: 28
Số tờ giấy thi: 28

Mã nhận dạng: 000268

Trang : 2/2

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G. Viên chấm thi 1	G. Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120180046	NGUYỄN VĂN HÒA	02/03/2002	CCQ2018B		132		82	58	68	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	2120110082	NGUYỄN HÙNG	02/05/2002	CCQ2007B		109		64	41	5.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	2120120711	NGUYỄN THANH HUYỀN	15/05/2002	CCQ2012P							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	2119140014	NGUYỄN QUỐC KHANG	14/06/2001	CCQ1914A		485		77	72	74	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	2120270084	TRẦN THỊ THÚY KIỀU	07/05/2002	CCQ2027C		132		82	72	76	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
26	2119140045	ĐÀO XUÂN LẬP	26/07/1999	CCQ1914B		209		93	94	94	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
27	2120210073	NGUYỄN THỊ KIM LINH	21/08/2002	CCQ2021C		357		64	68	66	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
28	2120180090	NGUYỄN THANH LONG	26/01/2002	CCQ2018C		485		73	58	64	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
29	2120180051	LÊ MINH LỢI	30/05/2002	CCQ2018B		132		54	60	58	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
30	2120120370	LÊ THỊ THÚY MAI	20/01/2001	CCQ2012K				5.2			(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
31	2121110322	NGUYỄN THÀNH NAM	27/12/2003	CCQ2111J		132		57	94	79	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
32	2119120361	TẠ THỊ QUỲNH NGA	16/05/2001	CCQ1912K		485		73	88	82	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
33	2121110379	LÊ THỊ PHƯƠNG NGHI	14/06/2003	CCQ2111C				5.2			(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

H:02

D:24

C.Thảo

12

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Anh văn cơ bản (224103) - Nhóm 02
Đợt thi: HK3 2021-2022
Ngày thi: 26/08/2022
Phòng thi: D5-29

Số SV có mặt: 26
Số bài thi: 26
Số tờ giấy thi: 26

Mã nhận dạng: 000269

Trang : 1/2

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G. Viên chấm thi 1	G. Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120180055	DÀ KRIENG HA	02/02/2002	CCQ2018B		357		7.0	53	60		
2	2120110156	TRƯƠNG MINH NHẬT	04/05/2002	CCQ2011E		485		4.6	31	37		
3	2119120400	KIM THỊ HỒNG NHUNG	04/09/2001	CCQ1912L		132		7.4	79	77		
4	2120210088	NGUYỄN THỊ NHUNG	19/05/2002	CCQ2021C		209		6.1	44	51		
5	2121120342	TRẦN ĐĂNG QUỲNH NHƯ	02/12/2003	CCQ2112J		357		5.9	61	6.0		
6	2120030190	CHÂU TRẦN VINH QUANG	06/11/2000	CCQ2003F		485		6.6	93	82		
7	2120030181	TÔN VĂN QUÍ	03/09/2002	CCQ2003F		132		7.9	74	76		
8	2120210076	NGUYỄN THỊ THU QUỲN	28/07/2002	CCQ2021C		209		8.4	71	76		
9	2120270094	VÕ VĂN QUYNH	12/06/2002	CCQ2027C		132		7.4	61	66		
10	2119140056	TRỊNH SƠN TÂY	02/01/2001	CCQ1914B		485		7.1	79	76		
11	2118170060	VÕ CÔNG THÀNH	25/08/2000	CCQ1817A		357		5.1	97	79		
12	2121160009	NGUYỄN MINH THẾ	07/01/2003	CCQ2116A								
13	2120270130	TRƯƠNG NGỌC THI	18/09/2002	CCQ2027D				5.1				
14	2120180063	HUỖNH VĂN THÍCH	26/03/2002	CCQ2018B		485		6.1	48	53		
15	2120170344	THÁI VĂN THIÊN	25/02/2002	CCQ2003F		209		5.1	92	76		
16	2120210078	ĐỖ VĂN THUYẾT	14/01/2002	CCQ2021C		357		7.1	57	63		
17	2119130133	PHẠM NGUYỄN ANH THƯ	25/09/2001	CCQ1913E				4.5				
18	2120270202	CHÂU THỊ TIẾN	13/04/2002	CCQ2027F								
19	2120050128	NGUYỄN HOÀNG TIẾN	11/04/2000	CCQ2005A		209		4.0	79	63		
20	2119120237	HỒ THỊ THUỖ TRANG	27/04/2001	CCQ1912G		485		6.7	45	54		

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 09/08/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 000269

Trang : 2/2

Môn học: Anh văn cơ bản (224103) - Nhóm 02

Đợt thi: HK3 2021-2022 Tổ: 002

Ngày thi: 26/08/2022 Giờ: 12:30

Phòng thi: D5-29

Số SV có mặt: 26

Số bài thi: 26

Số tờ giấy thi: 26

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G. Viên chấm thi 1	G. Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120220010	NGUYỄN VĂN TRÍ	02/12/2001	CCQ2027F		209		66	47	55		
22	2120120515	NGUYỄN QUỐC TRUNG	30/08/2002	CCQ2005C								
23	2120180066	NGUYỄN ĐÌNH TRUYỀN	09/11/2002	CCQ2018B		485		84	89	87		
24	2119230019	TRƯƠNG CÔNG TRƯỜNG	17/08/2001	CCQ1923A		357		49	70	62		
25	2120170071	TRẦN QUỐC TUẤN	29/12/2002	CCQ2012Q		209		53	49	51		
26	2119120417	DƯƠNG VĂN TUYẾN	09/10/1999	CCQ1912L		132		55	66	62		
27	2120270172	LÊ THỊ TÚ VÂN	04/05/2002	CCQ2027E		485		61	65	63		
28	2120200205	PHẠM QUỐC VIỆT	03/09/2002	CCQ2020F								
29	2120180087	LÊ THANH VŨ	24/12/2002	CCQ2018C		357		79	48	60		
30	2120170176	NGUYỄN HOÀI VƯƠNG	12/07/2002	CCQ2017E		209		73	95	86		
31	2120120104	NGUYỄN THỊ CẨM VY	04/11/2002	CCQ2012C		132		61	56	58		
32	2121120627	NGUYỄN THỊ YẾN VY	02/04/2003	CCQ2112R		485		27	32	30		

C. My 13

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP. HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 000270

Trang : 1/2

Môn học: Anh văn cơ bản (224103) - Nhóm 03
Đợt thi: HK3 2021-2022
Ngày thi: 26/08/2022
Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: 32
Số bài thi: 32
Số tờ giấy thi: 32

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G. Viên chấm thi 1	G. Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2119240290	VIÊN THỊ TÚ	28/10/2001	CCQ1927G		209		7.3	5.6	6.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	2120270071	PHẠM THỊ NHƯ	19/04/2002	CCQ2027C		357		6.3	3.1	4.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	2120170181	NGUYỄN THÀNH	28/03/2002	CCQ2017F		485		4.7	3.5	4.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	2120180041	TRẦN TÍN	12/04/2002	CCQ2018B		132		8.4	5.4	6.6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	2120120613	TRẦN VĂN	09/12/2002	CCQ2012R		209		6.2	5.0	5.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	2120120359	HUỖNH CÔNG	14/07/1999	CCQ2012K		357		4.7	5.7	5.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	2118170402	LÊ HIẾU	20/10/2000	CCQ1817F							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	2119170076	PHẠM HỮU	20/10/2001	CCQ1917C		132		4.6	3.9	4.2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	2121120537	NGÔ ĐƯƠNG PHÍ	13/09/2002	CCQ2112P							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	2120270045	NGUYỄN THỊ THU	12/10/2002	CCQ2027B		357		8.1	5.4	6.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	2118030221	LÊ HOÀNG MINH	05/11/2000	CCQ1803D							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	2119030187	LÊ THÀNH	12/08/2001	CCQ1903F		357		9.1	8.7	8.9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	2119040016	TRẦN DUY	19/04/2001	CCQ1904A		209		7.5	5.4	6.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	2120270113	PHẠM ANH	06/10/2001	CCQ2027D		132		7.2	3.9	5.2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	2120110334	NGUYỄN TRƯỜNG	28/07/2002	CCQ2011B		485		9.4	7.0	8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16	2120170016	TRẦN THIÊN	15/08/2001	CCQ2017A		357		7.5	3.5	5.1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	2120170470	TÔ HOÀI	29/09/2002	CCQ2017N		132		5.4	4.6	4.9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
18	2120200321	TRẦN NGỌC TÚ	23/07/2002	CCQ2020A		209		7.7	4.9	6.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
19	2120100151	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TH NGUYỄN	30/06/2001	CCQ2010E		209		6.9	7.3	7.2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	2120180056	PHẠM ĐÌNH	04/07/2002	CCQ2018B		132		7.6	5.7	6.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P. QLĐT mới được dự thi

In : 09/08/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Anh văn cơ bản (224103) - Nhóm 03

Đợt thi: HK3 2021-2022 Tổ: 001

Ngày thi: 26/08/2022 Giờ: 12:30

Phòng thi: D5-28

Mã nhận dạng: 000270

Trang : 2/2

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G. Viên chấm thi 1	G. Viên chấm thi 2
Nguyễn Ngọc Trọng		L.Đ.H. Mỹ	

Số SV có mặt: 20

Số bài thi: 30

Số tờ giấy thi: 30

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120180024	VÕ ĐÌNH PHONG	08/06/2002	CCQ2018A		485		6.8	5.0	5.7		
22	2119270156	NGÔ VỸ PHƯƠNG	03/10/2001	CCQ1927E		209		6.9	4.3	5.4		
23	2120140023	TRẦN MINH QUANG	14/03/2002	CCQ2014A		485		7.6	5.0	6.0		
24	2120110096	TÔ NHẬT QUÂN	20/08/2002	CCQ2011C		172		8.3	4.8	6.2		
25	2120110023	HỒ MINH SANG	31/05/2002	CCQ2011A		209		7.9	4.0	5.6		
26	2120170162	ĐỒNG VĂN TÀI	28/05/2002	CCQ2017E		357		8.8	6.1	7.2		
27	2120120600	NGUYỄN TUẤN TÀI	23/04/2002	CCQ2012Q		357		6.2	4.5	5.2		
28	2121120646	HOÀNG ANH TÂN	30/06/2003	CCQ2112K		485		8.5	8.4	8.4		
29	2119040025	NGUYỄN CHÍ THANH	02/07/2001	CCQ1904A		132		8.3	7.6	7.9		
30	2120100231	LÊ THỊ MỸ TIẾN	24/07/2002	CCQ2010G		357		6.5	5.7	6.0		
31	2120240116	LÊ THỊ NGỌC TRÂM	22/03/2002	CCQ2012R		485		8.4	6.3	7.2		
32	2120050139	ĐỖ QUỐC TRƯỜNG	30/07/2002	CCQ2005D		192		5.2	4.4	4.7		
33	2120270103	NGUYỄN ĐÌNH VĂN	23/04/2002	CCQ2027C				3.6				
34	2120120625	LƯƠNG ÁNH VĂN	02/04/2002	CCQ2012R		485		6.5	4.3	5.2		
35	2120180068	NGUYỄN XUÂN VINH	26/05/2000	CCQ2018B								